

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST.

Ngày 11/4/2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1974** (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKNKTT: xóm 1, thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: xóm T, thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: **Anh Trần Văn B, sinh năm 1974** (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: xóm 1, thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có quan điểm:

Chị và anh Trần Văn B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/1994 tại UBND xã K, huyện K (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam vì trước đó vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau được 04 năm. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận cũng được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác mà chị đã khuyên anh B suy nghĩ lại nhưng anh B không nghe nên sau đó vợ chồng chị xảy ra cãi nhau thường xuyên nên không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung nữa. Đến tháng 5 năm 2017, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị trở nên trầm trọng vì anh B đã đuổi mẹ con chị nên chị đã phải cho con về nhà mẹ đẻ chị ở xã L, huyện T, thành phố Hà Nội ở cho đến nay và vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa chỉ thỉnh thoảng anh B có qua nhà mẹ chị thăm con và bắt chị đưa con về học ở quê

nên vợ chồng chị đã xảy ra việc cãi vã, xô xát với nhau tại nhà mẹ chị. Đến nay, chị thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể hàn gắn được và tình cảm chị dành cho anh B không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Trần Bình D, sinh ngày 25/3/1995 (con trai) đã trưởng thành và đi làm nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và cháu Trần Thu T, sinh ngày 22/7/2009 (con gái). Hiện nay, cháu T đang ở với chị do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Trần Thu T và chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng chị không có. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn B đã được Tòa án niêm yết các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng rất nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy không có quan điểm của anh B.

* Nguyên vọng của cháu Trần Thu T: Hiện nay cháu đang học lớp 4A tại Trường tiểu học L, huyện T, thành phố Hà Nội và cháu đang ở với mẹ cháu tại nhà bà ngoại cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn B chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Anh B vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/3/2019 và ngày 06/3/2019 mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyên vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28,35,39,68,143,144,147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, 54, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị V và anh B.
- Về con chung: Giao cháu Trần Thu T cho chị Nguyễn Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.
- Về án phí sơ thẩm: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn anh Trần Văn B có nơi cư trú tại xóm 1, thôn K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/4/1994 tại UBND xã K, huyện K (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã có thời gian 20 năm chung sống hoà thuận và có 02 con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng anh chị hay xảy ra cãi nhau do không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung nữa nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Vì vậy, chị V đã có đơn xin ly hôn gửi đến Ủy ban nhân dân xã K và Ủy ban nhân dân xã K đã tiến hành hoà giải giữa vợ chồng anh chị. Tại buổi hòa giải anh B cũng nhất trí ly hôn với chị V. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần đến Tòa án để thể hiện quan điểm và tham gia các phiên họp hoà giải nhưng anh B đều vắng mặt và tại phiên tòa ngày 25/3/2019, phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh B không có thiện chí cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị V, anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh B có 02 con chung là Trần Bình D, sinh ngày 25/3/1995 (con trai) đã trưởng thành và đi làm, chị V không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét và cháu Trần Thu T, sinh ngày 22/7/2009 (con gái). Hiện nay, cháu T đang ở với chị V, do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét nguyện vọng của chị V xin

được nuôi con chung và không đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con chung cũng như nguyện vọng cháu Trần Thu T muốn được ở với mẹ và căn cứ vào thực tế điều kiện nuôi dưỡng của chị V. HĐXX thấy: Chị V với trách nhiệm của người mẹ dễ gần gũi nắm bắt được nguyện vọng của con và cháu Trần Thu T là con gái sắp đến tuổi dậy thì cần có sự quan tâm, chỉ bảo của người mẹ vẫn tốt hơn cả. Do đó, cần giao cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thu T và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại các Điều 81,82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị V phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn B.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Thu T, sinh ngày 22/7/2009 (con gái). Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị V.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải nộp là 300.000đ, chị V được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001987 ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị V đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị V và anh B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;

- VKSND thành phố Phủ Lý;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Duy